

PHIẾU TỰ KIỂM TRA
VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
(Thời kỳ tự kiểm tra: Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Trường Cao đẳng bán công Công nghệ và Quản trị doanh nghiệp.

2. Địa chỉ: Số 15 đường Trần Văn Trà, Khu đô thị mới Nam Thành phố, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Số tài khoản: 31010000013928.

Mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển BIDV.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thế Lực.

Chức vụ: Hiệu trưởng.

2.1. Trụ sở chính: Số 15 đường Trần Văn Trà, Khu đô thị mới Nam Thành phố, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 5413 5013; Fax: 028 5413 5012.

Email: daotao@ctim.edu.vn

Website: <http://www.ctim.edu.vn>

2.2. Địa điểm đào tạo

Địa chỉ: Số 15 đường Trần Văn Trà, Khu đô thị mới Nam Thành phố, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.5413 5013; Fax: 028 5413 5012.

Email: daotao@ctim.edu.vn

2.3. Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Bán công.

3. Quyết định thành lập số 2670/QĐ-BGD&ĐT/TCCB ngày 27 tháng 7 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng bán công Công nghệ và Quản trị doanh nghiệp (Trường CTIM) trực thuộc Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM).

4. Quyết định đổi tên số: không có.

5. Tổng số cán bộ, nhà giáo, người lao động: 57 người.

Trong đó:

- Nhà giáo: 43 người (nhà giáo cơ hữu: 19 người; cán bộ kiêm nhiệm giảng dạy: 14 người; nhà giáo thỉnh giảng: 10 người).



- Cán bộ quản lý: 10 người (gồm 07 cán bộ kiêm nhiệm giảng dạy).

- Viên chức, người lao động khác: 11 người.

6. Cơ cấu, tổ chức bộ máy, gồm:

a) Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh	Nhiệm vụ chuyên môn (đối với cán bộ kiêm nhiệm)	Ghi chú
01	Ông Phạm Xuân Bình	Ủy viên Hội đồng quản trị	Bí thư Chi bộ	
02	Ông Chu Phạm Ngọc Sơn	Ủy viên Hội đồng quản trị		
03	Bà Huỳnh Thanh Thủy	Trưởng ban Kiểm soát		

b) Ban Giám hiệu, gồm:

ST T	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Quyết định bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm nghề
01	Nguyễn Thế Lực	03/4/1967	Hiệu trưởng	Số 1302/QĐ-SGDĐT-TC ngày 15/7/2016 của Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh	Thạc sỹ Kinh doanh và Quản lý	X

c) Các hội đồng tư vấn, gồm: không có.

d) Phó Hiệu trưởng phụ trách: không có.

đ) Số phòng, gồm: 06.

e) Số khoa, tổ bộ môn, gồm: 04.

g) Số trung tâm, gồm: 01.

h) Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, gồm: không có.

7. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 50/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN, ngày 18/6/2019 về việc đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: không có.

a) Tổng số 10 ngành, nghề đào tạo. Trong đó:

- Trình độ cao đẳng: 10 ngành, nghề, gồm: Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý công nghiệp; Quản trị kinh doanh; Kế toán, Tài chính – Ngân hàng; Tiếng Anh.

- Trình độ trung cấp: không có.

- Trình độ sơ cấp: không có.



b) Địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm:

- Trụ sở chính:
- Số địa điểm đào tạo ngoài trụ sở chính: không có.

8. Địa điểm đào tạo chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp:

- a) Có: ;
 - Số địa điểm đào tạo, gồm:
 - Đã lập hồ sơ đăng ký bổ sung hoạt động GDNN:
 - Chưa lập hồ sơ đăng ký bổ sung hoạt động GDNN: . Lý do:
- b) Không có: .

II. TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Hội đồng quản trị

a) Đã thành lập: ; Quyết định số 1078/QĐ-BQL-KCN-HCM ngày 23/9/1999 về việc thành lập Hội đồng quản trị Trường Cao đẳng bán công Công nghệ và Quản trị doanh nghiệp.

b) Chưa thành lập: . Lý do

2. Quy chế tổ chức, hoạt động

a) Đã ban hành: ; Quyết định số 96/QĐ-CĐBC ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường CTIM về ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Cao đẳng bán công Công nghệ và Quản trị doanh nghiệp.

b) Chưa ban hành: . Lý do:

3. Về công tác tuyển sinh

3.1. Việc lập và triển khai kế hoạch tuyển sinh

- Có xây dựng: ; Văn bản số 59/KH-CĐBC ngày 01 tháng 10 năm 2018 về việc ban hành Kế hoạch tuyển sinh 2019.

- Không xây dựng: . Lý do:

3.2. Về đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh

- Có đăng ký ; Văn bản số 163/CĐBC-ĐT ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019.

- Không đăng ký: . Lý do:

3.3. Thành lập hội đồng tuyển sinh

- Có thành lập Quyết định số 37/QĐCĐ-BC, ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh Cao đẳng năm 2019.

- Không thành lập . Lý do:

3.4. Thông báo tuyển sinh

- Có ban hành: ; Văn bản số 55/TB-CĐBC ngày 03/5/2019 về xét tuyển Cao đẳng chính quy Đợt 1 - Năm 2019 và số 76/TB-CĐBC ngày 01/7/2019 về xét tuyển Cao đẳng chính quy Đợt 2 - Năm 2019.

- Không ban hành . Lý do:

3.5. Phê duyệt kết quả tuyển sinh

- Có phê duyệt ; Văn bản số 112/QĐ-CĐBC ngày 15/7/2019 về Công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển Cao đẳng năm 2019 - Đợt 1 và 143/QĐ-CĐBC ngày 30/8/2019 về Công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển Cao đẳng năm 2019 - Đợt 2.

- Không phê duyệt: . Lý do:

3.6. Về hồ sơ tuyển sinh của người học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp

- Có đủ hồ sơ của người học:

- Không đủ hồ sơ của người học . Lý do:

3.7. Kết quả tuyển sinh

a) Kết quả tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh/năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Tổng số 197 người học (trình độ cao đẳng: 197 sinh viên; trình độ trung cấp: 0 học sinh; trình độ sơ cấp: 0 học sinh, đào tạo dưới 03 tháng: 0 học viên).

- Số ngành, nghề tuyển sinh đạt từ 0,1% đến dưới 20%: 01 ngành, nghề (trình độ cao đẳng: 01 ngành, nghề; trình độ trung cấp: 0 ngành, nghề; trình độ sơ cấp: 0 nghề).

- Số ngành, nghề tuyển sinh đạt từ 20% đến 50%: 04 ngành, nghề (trình độ cao đẳng: 04 ngành, nghề; trình độ trung cấp: 0 ngành, nghề; trình độ sơ cấp: 0 nghề).

- Số ngành, nghề tuyển sinh đạt từ 51% đến 109%: 01 ngành, nghề (trình độ cao đẳng: 0 ngành, nghề; trình độ trung cấp: 0 ngành, nghề; trình độ sơ cấp: 0 nghề).

- Số ngành, nghề tuyển sinh vượt từ 110% trở lên: 0 ngành, nghề (trình độ cao đẳng: 0 ngành, nghề; trình độ trung cấp: 0 ngành, nghề; trình độ sơ cấp: 0 nghề).

+ Đã lập hồ sơ đăng ký bổ sung HĐGDNN ; Văn bản số



+ Chưa lập hồ sơ đăng ký bổ sung HĐGDNN . Lý do:

3.8. Ngành, nghề tuyển sinh

a) Tuyển sinh đúng ngành, nghề được cấp:

b) Tuyển sinh không đúng ngành, nghề được cấp: không có.

3.9. Về đối tượng tuyển sinh học trình độ trung cấp: không có.

a) Tốt nghiệp trung học cơ sở: 0/0 người học trình độ trung cấp (chiếm %).

b) Tốt nghiệp trung học phổ thông: 0/0 người học trình độ trung cấp (chiếm %).

4. Công tác đào tạo

4.1. Quy mô đào tạo

Tổng số 672 người học (tuyển mới trong kỳ báo cáo: 197 người học; số người học trước kỳ báo cáo chuyển sang: 475 người học). Trong đó, trình độ cao đẳng: 672 sinh viên; trình độ trung cấp: 0 học sinh; trình độ sơ cấp: 0 học sinh, đào tạo dưới 03 tháng: 0 học viên.

4.2. Địa điểm đào tạo

a) Đào tạo đúng địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp:

- Trình độ cao đẳng: Số lớp: 26 lớp; số người học: 672 người.

- Trình độ trung cấp: Số lớp: 0 lớp; số người học: 0 người.

- Trình độ sơ cấp: Số lớp: 0 lớp; số người học: 0 người.

b) Đào tạo ngoài địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: không có.

4.3. Quy mô lớp học lý thuyết trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp

a) Lớp học lý thuyết

- Số lớp học lý thuyết có từ 36 người trở lên: 73/137 lớp (trình độ cao đẳng: 73/137 lớp, trình độ trung cấp: 0/0 lớp, trình độ sơ cấp: 0/0 lớp).

- Số lớp học lý thuyết có từ 35 người học trở xuống: 64/137 (trình độ cao đẳng: 64/137 lớp, trình độ trung cấp: 0/0 lớp, trình độ sơ cấp: 0/0 lớp).

b) Lớp học thực hành

- Số lớp học thực hành có từ 19 người trở lên: 55/69 lớp (trình độ cao đẳng: 55/69 lớp, trình độ trung cấp: 0/0 lớp, trình độ sơ cấp: 0/0 lớp).

- Số lớp học thực hành có từ 18 người học trở xuống (trình độ cao đẳng: 14/69 lớp, trình độ trung cấp: 0/0 lớp, trình độ sơ cấp: 0/0 lớp).

4.4. Về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp

- a) Đào tạo liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp: không có.
- b) Đào tạo liên thông trung cấp để được cấp bằng tốt nghiệp trung cấp thứ hai: không có.
- c) Đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng: không có.
- d) Đào tạo liên thông để được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng thứ hai: không có.

4.5. Về liên kết đào tạo/đặt địa điểm đào tạo: không có.

4.6. Số người học thôi học, bỏ học

Tổng số: 58 người, trong đó:

- Trình độ cao đẳng: 58 người (chiếm 8,63%).
- Trình độ trung cấp: người (chiếm %).
- Trình độ sơ cấp: người (chiếm %).
- Đào tạo dưới 03 tháng: (chiếm %).

4.7. Kết quả kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp cho người học (Chưa xét).

Tổng số: người học. Trong đó:

- Trình độ cao đẳng: sinh viên.
- Trình độ trung cấp: học sinh.
- Trình độ sơ cấp: học sinh.
- Đào tạo dưới 03 tháng: học viên.

4.8. Việc tổ chức đào tạo các ngành, nghề thuộc khối ngành sức khỏe theo quy định tại Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe: không có.

5. Công tác quản lý và cấp Văn bằng, Chứng chỉ sơ cấp, Chứng chỉ đào tạo

5.1. Về in ấn, phê duyệt, báo cáo mẫu phôi văn bằng tốt nghiệp với cơ quan có thẩm quyền

- Đã in ấn mẫu phôi văn bằng tốt nghiệp:
- Chưa in ấn mẫu phôi văn bằng tốt nghiệp:
- Đã phê duyệt mẫu phôi văn bằng tốt nghiệp:
- Chưa phê duyệt mẫu phôi văn bằng tốt nghiệp:



- Đã báo cáo mẫu phôi với cơ quan có thẩm quyền: ; Văn bản số 247/QĐ-CĐBC ngày 18/11/2019 về việc ban hành mẫu phôi bằng tốt nghiệp Cao đẳng.

- Chưa báo cáo với cơ quan nào

Lý do:

b) Về chứng chỉ sơ cấp: Không có.

5.2. Số văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp đã cấp cho người học: chưa cấp bằng.

Tổng số: người, trong đó:

- Trình độ cao đẳng: người.

- Trình độ trung cấp: người.

- Trình độ sơ cấp: người.

- Đào tạo dưới 03 tháng: người.

6. Đội ngũ nhà giáo

6.1. Số lượng, chất lượng đội ngũ nhà giáo

a) Về số lượng

Tổng số nhà giáo: 43 người. Trong đó, nhà giáo cơ hữu: 19/42 người; cán bộ quản lý kiêm nhiệm giảng dạy: 14/42 người; nhà giáo thỉnh giảng: 10/42 người.

b) Về chất lượng:

+ Đạt chuẩn về trình độ chuyên môn: 43/43 người (tỷ lệ 100%).

+ Không đạt chuẩn về trình độ chuyên môn: 0/0 người (tỷ lệ 0%).

+ Đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm: 33/43 người (tỷ lệ 76,74%).

+ Không đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm: 10/43 người (tỷ lệ 23,26%).

+ Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ: 34/43 người (tỷ lệ 79,07%).

+ Không đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ: 09/43 người (tỷ lệ 20,93%).

+ Đạt chuẩn về trình độ tin học: 36/43 người (tỷ lệ 83,72%).

+ Không đạt chuẩn về trình độ tin học: 07/43 người (tỷ lệ 16,28%).

+ Đạt chuẩn về kỹ năng nghề: 05/06 người (tỷ lệ 83,33%).

+ Không đạt chuẩn về kỹ năng nghề: 01/06 người (tỷ lệ 16,67%).

6.2. Tỷ lệ học sinh, sinh viên giáo viên, giảng viên

- Số ngành, nghề bảo đảm tỷ lệ 25 học sinh, sinh viên trên 01 giáo viên, giảng viên: 06/06 ngành, nghề.

- Số ngành, nghề vượt tỷ lệ 25 học sinh, sinh viên trên 01 giáo viên, giảng viên: 0/06 ngành, nghề.

6.3. Việc đánh giá, xếp loại nhà giáo

a) Giảng dạy trình độ sơ cấp: không có.

b) Giảng dạy lý thuyết, thực hành trình độ trung cấp, cao đẳng:

- Số nhà giáo đạt chuẩn: 31/33 người (chiếm 93,94%). Trong đó:

+ Loại C: 0/0 người (chiếm 0%).

+ Loại B: 0/0 người (chiếm 0%).

+ Loại A: 31/33 người (chiếm 93,94%).

Số nhà giáo chưa đánh giá: 02/33 người (chiếm 6,06%).

- Số nhà giáo không đạt chuẩn: 0/32 người (chiếm 0%).

c) Giảng dạy tích hợp trình độ trung cấp, cao đẳng: Không có

- Số nhà giáo đạt chuẩn: / người (chiếm %). Trong đó:

+ Loại C: / người (chiếm %).

+ Loại B: / người (chiếm %).

+ Loại A: / người (chiếm %).

- Số nhà giáo không đạt chuẩn: / người (chiếm %).

6.4. Việc xây dựng kế hoạch, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, trình độ tin học, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho đội ngũ nhà giáo của Nhà trường.

a) Đã xây dựng: ; Văn bản số 48/TB-CĐBC ngày 18/4/2019 của Hiệu trưởng Trường CTIM về việc nhắc nhở bổ sung chứng chỉ ngoại ngữ, tin học, sư phạm dạy nghề kỹ năng nghề.

b) Chưa xây dựng: . Lý do:

7. Xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo

7.1. Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp

a) Thành lập Ban chủ nhiệm/tổ biên soạn

- Đã thành lập: ; Văn bản số

Quyết định số 175/QĐ-CĐBC ngày 31/12/2018 về thành lập Tổ sửa đổi, cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin

Quyết định số 176/QĐ-CĐBC ngày 31/12/2018 về thành lập Tổ sửa đổi, cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

Quyết định số 177/QĐ-CĐBC ngày 31/12/2018 về thành lập Tổ sửa đổi, cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí

Quyết định số 178/QĐ-CĐBC ngày 31/12/2018 về thành lập Tổ sửa đổi, cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh

Quyết định số 179/QĐ-CĐBC ngày 31/12/2018 về thành lập Tổ sửa đổi, cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo ngành Kế toán

Á Đ
NG
AN C
QUẢ
GHIẾ
CỔNG

Quyết định số 180/QĐ-CĐBC ngày 31/12/2018 về thành lập Tổ sửa đổi, cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh

- Không thành lập: . Lý do:

b) Thành lập Hội đồng thẩm định

- Đã thành lập: ; Quyết định số

Quyết định số 61/QĐ-CĐBC ngày 26/04/2019 về thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo sửa đổi, cập nhật, bổ sung ngành Công nghệ thông tin

Quyết định số 62/QĐ-CĐBC ngày 26/04/2019 về thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo sửa đổi, cập nhật, bổ sung ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

Quyết định số 63/QĐ-CĐBC ngày 26/04/2019 về thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo sửa đổi, cập nhật, bổ sung ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí

Quyết định số 64/QĐ-CĐBC ngày 26/04/2019 về thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo sửa đổi, cập nhật, bổ sung ngành Quản trị kinh doanh

Quyết định số 65/QĐ-CĐBC ngày 26/04/2019 về thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo sửa đổi, cập nhật, bổ sung ngành Kế toán

Quyết định số 66/QĐ-CĐBC ngày 26/04/2019 về thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo sửa đổi, cập nhật, bổ sung ngành Tiếng Anh

- Không thành lập: . Lý do:

c) Ban hành chương trình đào tạo

- Đã ban hành: ; Quyết định số

Quyết định số 81/QĐ-CĐBC ngày 20/05/2019 của Hiệu trưởng Trường CTIM về ban hành chương trình đào tạo sửa đổi, cập nhật, bổ sung trình độ cao đẳng theo phương thức tín chỉ ngành Công nghệ thông tin cho sinh viên Khóa 21 (2019-2022)

Quyết định số 82/QĐ-CĐBC ngày 20/05/2019 của Hiệu trưởng Trường CTIM về ban hành chương trình đào tạo sửa đổi, cập nhật, bổ sung trình độ cao đẳng theo phương thức tín chỉ ngành Tiếng Anh cho sinh viên Khóa 21 (2019-2022)

Quyết định số 97/QĐ-CĐBC ngày 24/06/2019 của Hiệu trưởng Trường CTIM về ban hành chương trình đào tạo sửa đổi, cập nhật, bổ sung trình độ cao đẳng theo phương thức tín chỉ ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử cho sinh viên Khóa 21 (2019-2022)

Quyết định số 96/QĐ-CĐBC ngày 24/06/2019 của Hiệu trưởng Trường CTIM về ban hành chương trình đào tạo sửa đổi, cập nhật, bổ sung trình độ cao đẳng theo phương thức tín chỉ ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí cho sinh viên Khóa 21 (2019-2022)

Quyết định số 98/QĐ-CĐBC ngày 24/06/2019 của Hiệu trưởng Trường CTIM về ban hành chương trình đào tạo sửa đổi, cập nhật, bổ sung trình độ cao đẳng theo phương thức tín chỉ ngành Quản trị kinh doanh cho sinh viên Khóa 21 (2019-2022)

Quyết định số 99/QĐ-CĐBC ngày 24/06/2019 của Hiệu trưởng Trường CTIM về ban hành chương trình đào tạo sửa đổi, cập nhật, bổ sung trình độ cao đẳng theo phương thức tín chỉ ngành Kế toán cho sinh viên Khóa 21 (2019-2022)

- Số chương trình đào tạo đã ban hành: 06 chương trình.

+ Trình độ cao đẳng: 06 chương trình.

+ Trình độ trung cấp: 0 chương trình.

- Không ban hành: . Lý do:

7.2. Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp: không có.

7.3. Chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy đào tạo dưới 03 tháng: không có.

7.4. Xây dựng giáo trình đào tạo

7.4.1. Tự xây dựng giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp: Chưa thực hiện.

- Thành lập Hội đồng thẩm định

+ Đã thành lập: ; Văn bản số

+ Không thành lập: . Lý do:

- Ban hành giáo trình đào tạo

+ Đã ban hành: ; Quyết định số

+ Số giáo trình đào tạo đã ban hành: giáo trình.

+ Không ban hành: . Lý do:

7.4.2. Sử dụng, lựa chọn giáo trình đào tạo do cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác ban hành: có sử dụng.

- Thành lập Hội đồng thẩm định

+ Đã thành lập: ; Văn bản số

Quyết định số 187/QĐ-CĐBC ngày 18/11/2019 của Hiệu trưởng Trường CTIM về thẩm định lựa chọn giáo trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin;

Quyết định số 188/QĐ-CĐBC ngày 18/11/2019 của Hiệu trưởng Trường CTIM về thẩm định lựa chọn giáo trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử;

Quyết định số 189/QĐ-CĐBC ngày 18/11/2019 của Hiệu trưởng Trường CTIM về thẩm định lựa chọn giáo trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí;

Quyết định số 190/QĐ-CĐBC ngày 18/11/2019 của Hiệu trưởng Trường CTIM về thẩm định lựa chọn giáo trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh;

Quyết định số 191/QĐ-CĐBC ngày 18/11/2019 của Hiệu trưởng Trường CTIM về thẩm định lựa chọn giáo trình đào tạo ngành Kế toán;

Quyết định số 192/QĐ-CĐBC ngày 18/11/2019 của Hiệu trưởng Trường CTIM về thẩm định lựa chọn giáo trình đào tạo ngành Tiếng Anh;

Quyết định số 195/QĐ-CĐBC ngày 19/11/2019 của Hiệu trưởng Trường CTIM về thẩm định lựa chọn giáo trình đào tạo đối với các môn chung.

+ Không thành lập: . Lý do:

- Ban hành quyết định áp dụng giáo trình đào tạo

+ Đã ban hành: ; Quyết định số 197/QĐ-CĐBC ngày 22/11/2019 của Hiệu trưởng Trường CTIM về phê duyệt và đưa vào sử dụng giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng Khóa 21 (2019 – 2022)

+ Không ban hành: . Lý do: Chưa thẩm định

- Số giáo trình đào tạo đã áp dụng: 172 giáo trình.

7.4.3. Giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp: không có.

7.4.4. Chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy dưới 03 tháng: không có.

8. Công tác giáo vụ

8.1. Việc quản lý, sử dụng hệ thống biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp

a) Về sử dụng biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo

- Sử dụng đủ loại biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo: 05/05 loại.

- Sử dụng không đủ loại biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo: 0/05 loại.

- Không sử dụng biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo: 0/05 loại.

b) Về ghi chép biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo

- Ghi chép đủ thông tin biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo: 05/05 loại.

- Ghi chép không đủ loại biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo: 0/05 loại.

- Không ghi chép thông tin biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo: 0/05 loại.

c) Lưu trữ biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo

- Lưu trữ bản giấy in:

- Lưu trữ bằng phần mềm, điện tử:

- Kết hợp cả hai hình thức trên:

8.2. Việc quản lý, sử dụng hệ thống biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo trình độ sơ cấp: không có.



8.3. Việc quản lý, sử dụng hệ thống biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo dưới 03 tháng: không có.

9. Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

9.1. Cơ sở vật chất chung

a) Tổng diện tích đất tối thiểu toàn trường: 40.380 m².

- Khu vực đô thị:

+ Bảo đảm diện tích đất tối thiểu theo quy định: 40.380 m².

+ Không bảo đảm diện tích đất tối thiểu theo quy định: , thiếu m².

- Khu vực ngoài đô thị:

+ Bảo đảm diện tích đất tối thiểu theo quy định: m².

+ Không bảo đảm diện tích đất tối thiểu theo quy định: , thiếu m².

b) Khu hiệu bộ và khu hành chính 1.648 m². Số người làm việc (Ban giám hiệu, cán bộ quản lý các phòng, khoa,...) 12 người, diện tích bình quân: 140,16 m²/người.

c) Phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập: 8.934 m².

- Bảo đảm diện tích tối thiểu (5,5 m²/chỗ học) theo quy định:

- Không bảo đảm diện tích tối thiểu theo quy định trên:

d) Thư viện:

- Có thư viện: Diện tích 250 m².

- Không có:

đ) Khu giáo dục thể chất:

- Có: Diện tích 7.176 m².

- Không có:

e) Ký túc xá học sinh, sinh viên:

- Có: Diện tích 2.601 m². Quy mô 584 học sinh, sinh viên.

- Không có:

g) Phòng y tế:

- Có: Diện tích 34 m², số cán bộ y tế: 01 người.

- Không có:

h) Các công trình dịch vụ khác: 25.021 m².

9.2. Về thiết bị, dụng cụ đào tạo

a) Số ngành, nghề có đủ thiết bị, dụng cụ đào tạo: 07/10 ngành, nghề.

Tên ngành, nghề, trình độ đào tạo: Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Quản trị kinh doanh; Kế toán; Tài chính – Ngân hàng; Tiếng Anh.

b) Số ngành, nghề không đủ thiết bị, dụng cụ đào tạo: 03/10 ngành, nghề

- Tên ngành, nghề, trình độ đào tạo: Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý công nghiệp.

- Giải pháp khắc phục: Nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm thiết bị dụng cụ đào tạo và phối hợp với các doanh nghiệp trong quá trình đào tạo.

10. Thực hiện chế độ, chính sách đối với nhà giáo

a) Chế độ làm việc của nhà giáo

- Đã xây dựng quy chế làm việc:

- Chưa xây dựng quy chế làm việc:

- Bố trí nhà giáo giảng dạy thêm giờ:

+ Có: số giờ giảng dạy thêm 769,72 giờ/năm.

+ Không có:

- Số nhà giáo giảng dạy thêm không quá 200 giờ/năm: 07 người.

- Số nhà giáo giảng dạy thêm quá 200 giờ/năm: 0 người.

- Số nhà giáo được thanh toán đủ số tiền giảng dạy thêm giờ: 07 người.

- Số nhà giáo chưa được thanh toán đủ số tiền giảng dạy thêm giờ: 0 người.

- Số nhà giáo chưa được thanh toán tiền giảng dạy thêm giờ: 0 người

b) Chính sách, chế độ

- Về tiền lương, tiền công:

+ Hình thức trả lương: Tiền mặt: chuyển khoản:

+ Mức tiền lương, tiền công cao nhất 18.379.000 đồng/người/tháng.

+ Mức tiền lương, tiền công trung bình 7.144.900 đồng/người/tháng.

+ Mức tiền lương, tiền công thấp nhất 4.473.000 đồng/người/tháng.

- Các khoản phụ cấp:

+ Phụ cấp đứng lớp:

+ Phụ cấp thâm niên:

+ Phụ cấp lưu động:

+ Phụ cấp nặng nhọc, độc hại:

+ Phụ cấp đặc thù:

VA Đ
ING
BÁN C
À QU
NGHI
A CÓN

+ Phụ cấp khác: Phụ cấp tiền cơm trưa và hỗ trợ xăng xe

11. Việc xây dựng, ban hành các quy chế triển khai thực hiện Luật giáo dục nghề nghiệp

a) Quy chế tổ chức, hoạt động

- Đã ban hành: Quyết định số 96/QĐ-CĐBC ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường CTIM về ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Cao đẳng bán công Công nghệ và Quản trị doanh nghiệp

+ Theo quyết nghị của Hội đồng trường/hội đồng quản trị:

+ Không theo quy định trên: . Lý do:

- Chưa ban hành: . Lý do:

b) Quy chế tuyển sinh

- Trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp

+ Đã ban hành: Quyết định số 01/QĐ-CĐBC ngày 07/01/2019 của Hiệu trưởng Trường CTIM về ban hành Quy chế tuyển sinh

+ Chưa ban hành: Lý do:

- Trình độ sơ cấp: không có.

c) Quy chế tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp

- Đã ban hành: Quyết định số 182/QĐ-CĐBC ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng bán công Công nghệ và Quản trị doanh nghiệp về ban hành quy chế đào tạo Trường CTIM. Trong đó, đào tạo trình độ cao đẳng ; đào tạo trình độ trung cấp .

- Chưa ban hành: . Lý do:

d) Quy chế tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp trình độ sơ cấp: không có.

đ) Quy chế làm việc của nhà giáo

- Đã ban hành: ; Quyết định số 99/QĐCĐBC ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường CTIM về việc ban hành Chế độ làm việc đối với Nhà giáo.

- Chưa ban hành: . Lý do:

e) Quy chế in ấn, quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp

- Đã ban hành: ; Quyết định số 181/QĐ-CĐBC ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường CTIM về ban hành quy định về in ấn, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp

- Chưa ban hành: . Lý do:

g) Quy chế công tác học sinh, sinh viên

- Đã ban hành: Quyết định số 35/QĐ-CĐBC ngày 22 tháng 05 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường CTIM về Ban hành Quy chế sinh viên của Trường Cao đẳng bán công Công nghệ và Quản trị doanh nghiệp.

- Chưa ban hành:

Lý do:

h) Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp

- Đã ban hành: Quyết định số 08/QĐ-CĐBC ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường CTIM về Ban hành Quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp.

- Chưa ban hành: Lý do:

i) Quy chế liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

- Đã ban hành: Quyết định số 07/QĐ-CĐBC ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường CTIM về Ban hành Quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

- Chưa ban hành: Lý do:

k) Quy định về quản lý hồ sơ, biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo: đang thực hiện theo Thông tư số 23

Quyết định số 196/QĐ-CĐBC ngày 19 tháng 11 năm 2019 về quy định hướng dẫn sử dụng, quản lý hồ sơ, sổ sách trong quản lý đào tạo trình độ cao đẳng.

l) Các quy định, quy chế khác Nhà trường đã ban hành

1. Quyết định số 34/QĐ-CĐBC ngày 27/3/2019 của Hiệu trưởng về ban hành Quy trình khảo sát cựu sinh viên và doanh nghiệp về tình hình việc làm và chất lượng đạo tạo;

2. Quyết định số 59/QĐ-CĐBC ngày 26/4/2019 của Hiệu trưởng về ban hành Quy định về mức đóng học phí theo tín chỉ bậc Cao đẳng khóa 21 niên khóa 2019 - 2022;

3. Quyết định số 60/QĐ-CĐBC ngày 26/4/2019 của Hiệu trưởng về ban hành Quy định về mức đóng phí Ký túc xá và các khoản thu khác áp dụng cho năm học năm 2019 - 2020;

4. Quyết định số 101/QĐ-CĐBC ngày 01/7/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Kế hoạch đào tạo Cao đẳng năm học 2019 - 2020;

5. Quyết định số 119/QĐ-CĐBC ngày 19/7/2019 của Hiệu trưởng về ban hành Quy định việc trao học bổng cho sinh viên Trường CTIM;

6. Quyết định số 150/QĐ-CĐBC ngày 19/9/2019 của Hiệu trưởng về ban hành Nội quy ra, vào cơ quan;

7. Quyết định số 180/QĐ-CĐBC ngày 12/11/2019 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi Điều 1 của Nội quy ra, vào cơ quan được ban hành kèm theo Quyết định số 150/QĐ-CĐBC ngày 19/9/2019.

8. Quyết định số 171/QĐ-CĐBC ngày 21/10/2019 của Hiệu trưởng về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm tuyển sinh thuộc Trường CTIM;

9. Quyết định số 184/QĐ-CĐBC ngày 18/11/2019 của Hiệu trưởng về ban hành quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức iên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của Trường CTIM.

12. Việc thực hiện công khai các nội dung liên quan đến hoạt động của nhà trường theo quy định.

a) Mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo:

- Đã công khai: .

- Hình thức công khai:

+ Website:

+ Niêm yết bảng tin:

+ Thông báo hội nghị:

+ Hình thức khác:

+ Chưa công khai: . Lý do:

b) Mức học phí, miễn, giảm học phí

- Đã công khai: .

- Hình thức công khai:

+ Website:

+ Niêm yết bảng tin:

+ Thông báo hội nghị:

+ Hình thức khác:

- Chưa công khai: . Lý do:

c) Kết quả kiểm định chất lượng đào tạo

- Đã công khai: .

- Hình thức công khai:

+ Website:

+ Niêm yết bảng tin:

+ Thông báo hội nghị:



+ Hình thức khác:

- Chưa công khai: . Lý do:

d) Hệ thống văn bản, chứng chỉ tốt nghiệp

- Đã công khai: .

- Hình thức công khai:

+ Website:

+ Niêm yết bảng tin:

+ Thông báo hội nghị:

+ Hình thức khác:

- Chưa công khai: . Lý do:

đ) Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Đã công khai: .

- Hình thức công khai:

+ Website:

+ Niêm yết bảng tin:

+ Thông báo hội nghị:

+ Hình thức khác:

- Chưa công khai: . Lý do:

e) Các biện pháp kiểm tra, giám sát chất lượng đào tạo

- Đã công khai: .

- Hình thức công khai:

+ Website:

+ Niêm yết bảng tin:

+ Thông báo hội nghị:

+ Hình thức khác:

- Chưa công khai: . Lý do:

g) Các quy định, quy chế đã ban hành

- Đã công khai: .

- Hình thức công khai:

+ Website:

+ Niêm yết bảng tin:



+ Thông báo hội nghị:

+ Hình thức khác:

- Chưa công khai: . Lý do:

III. Kiến nghị, đề xuất

Nơi nhận:

- TCGDNN (đề b/c);
- Sở LĐ-TBXH TP. HCM (đề b/c);
- Hepza (đề b/c);
- Lưu: VT, P.KT&KĐ.



HIỆU TRƯỞNG

[Handwritten signature]
ThS. Nguyễn Thế Lực

